

Bản án số: 21/2025/DS-PT
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
“V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế;
Đòi lại tài sản; Huỷ Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025 và ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 700/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế; Đòi lại tài sản; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3524/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Hồng S** (Tên gọi khác: **S¹**), sinh năm 1962 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 40, khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Hồng S: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990 – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Châu Trúc, xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
Địa chỉ liên lạc: 451/11A Bạch Đằng, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố

Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2024 tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn*: Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1958 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 67 Chu Văn An, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Đ: Ông Lê Thanh T¹, sinh năm 1953 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hoà Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022 tại Văn phòng công chứng Long Xuyên);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Đ: Luật sư Trần Văn Nghĩa, Trưởng Văn phòng luật sư Trần Văn Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Lê Thanh T¹, sinh năm 1953 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hoà Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh T¹: Luật sư Trần Văn Nghĩa, Trưởng Văn phòng luật sư Trần Văn Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 – Vắng mặt;

3.3. Chị Nguyễn Thị Thanh T², sinh năm 2003 – Có mặt;

3.4. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2003 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 40, khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thanh T², Nguyễn Thị Thanh N: Bà Võ Hồng S (là nguyên đơn) – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

3.5. Ông Võ Văn N¹, sinh năm 1956 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 36/21 khóm Thới An, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.6. Ông Võ Văn G, sinh năm 1953 – Có mặt;

3.7. Bà Nguyễn Thị H¹, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

3.8. Anh Võ Thành L, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

3.9. Anh Võ Thành T³, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 711/39 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Nguyễn Thị H¹, Võ Thành L, Võ Thành T³: Ông Võ Văn G – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

3.10. Bà Võ Kim H², sinh năm 1969 – Có mặt;

3.11. Ông Nguyễn Văn T⁴, sinh năm 1969 (chết ngày 30/6/2020);

Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T⁴:

3.11.1. Bà Võ Kim H², sinh năm 1969 – Có mặt;

3.11.2. Anh Nguyễn Quốc T⁵, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

3.11.3. Chị Nguyễn Kim H³, sinh năm 2002 – Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Nguyễn Quốc T⁵, Nguyễn Kim H³: Bà Võ Kim H² – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

Cùng địa chỉ: Số 720/39 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.12. Bà Võ Thị Xuân M (tên gọi khác: H¹³), sinh năm 1971 – Có mặt;

3.13. Ông Phạm Hữu D, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

3.14. Chị Phạm Thị Bích P, sinh năm 1995 – Vắng mặt;

3.15. Chị Phạm Thị Bích H⁴, sinh năm 2004 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 709, Tổ 39, khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Võ Thị Xuân M, Phạm Hữu D, Phạm Thị Bích P: Bà Võ Hồng S (là nguyên đơn) – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

3.16. Bà Võ Thị Cẩm H⁵ (tên gọi khác: C), sinh năm 1973 – Có mặt;

3.17. Ông Phạm Đăng T⁶, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

3.18. Chị Phạm Lan V, sinh năm 1997 – Vắng mặt;

3.19. Trẻ Phạm Kim N², sinh năm 2006 – Vắng mặt;

Người giám hộ của Phạm Kim N²: Bà Võ Thị Cẩm H⁵ – Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Phạm Đăng T⁶, Phạm Lan V: Bà Võ Thị Cẩm H⁵ – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

Cùng địa chỉ: Số 833^C/39 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.20. Bà Võ Thị Hồng C¹, sinh năm 1976 – Có mặt;

3.21. Ông Nguyễn Ngọc H⁶, sinh năm 1973 – Vắng mặt;

3.22. Chị Nguyễn Thị Hồng N³, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

3.23. Trẻ Nguyễn Quang L¹, sinh năm 2016 – Vắng mặt;

Người giám hộ của Nguyễn Quang L¹: Bà Võ Thị Hồng C¹ – Có mặt

Cùng địa chỉ: Số 710, Tổ 39, khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Võ Thị Hồng C¹, Nguyễn Ngọc H⁶, Nguyễn Thị Hồng N³: Bà Võ Hồng S (là nguyên đơn) – Có mặt;

(Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

3.24. Anh Võ Ngọc T⁷, sinh năm 1981 – Có mặt;

3.25. Bà Lưu Yến N⁴, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

3.26. Chị Võ Ngọc T⁸, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

3.27. Trẻ Võ Ngọc Đăng K, sinh năm 2012 – Vắng mặt;

Người giám hộ của Võ Ngọc Đăng K: Bà Lưu Yến N⁴ – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 507^A/40 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của các đương sự Võ Ngọc T⁷, Lưu Yến N⁴, Võ Ngọc T⁸: Ông Võ Văn G – Có mặt;

Địa chỉ: Số 711/39 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên);

3.28. Bà Võ Thị Kim Q, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 833/39B khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Kim Q: Ông Lê Thanh T¹, sinh năm 1953 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hoà Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2019 tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc, thành phố Long Xuyên);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Kim Q: Luật sư Trần Văn Nghĩa, Trưởng Văn phòng luật sư Trần Văn Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang – Có mặt;

3.29. Ông Nguyễn Vũ L², sinh năm 1963 – Vắng mặt;

3.30. Chị Nguyễn Thanh H⁷, sinh năm 1990 – Vắng mặt;

3.31. Chị Nguyễn Kim P¹, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 833/39B khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.32. Bà Nguyễn Thị Kim T⁹, sinh năm 1971 – Có mặt;

3.33. Anh Võ Ngọc Q¹, sinh năm 1991 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 507/26 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.34. Anh Võ Ngọc M¹, sinh năm 1993 (Chết ngày 08/9/2023);

3.35. Ông Võ Ngọc T¹⁰ (tên gọi khác: P²), sinh năm 1967 (Chết ngày 21/4/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Ngọc T¹⁰:

3.35.1. Bà Nguyễn Thị Kim T⁹, sinh năm 1971 – Có mặt;

3.35.2. Anh Võ Ngọc Q¹, sinh năm 1991 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 507/26 khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.36. Ông Võ Đức T¹¹, sinh năm 1957 – Vắng mặt;

3.37. Bà Lê Thị L³, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 621E/33 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.38. Bà Đặng Thị T¹², sinh năm 1939;

Địa chỉ: Ấp Bào Sen, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;

3.39. Anh Lê T¹³, sinh năm 1979 – Vắng mặt;

3.40. Chị Võ Thị H⁸, sinh năm 1979 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 67 Chu Văn An, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của anh Lê T¹³: Ông Lê Thanh T¹, sinh năm 1953 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hoà Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2019 tại Văn phòng công chứng Long Xuyên);

3.41. Ông Nguyễn Văn B (tên khác: Tám B), sinh năm 1960 – Vắng mặt;

3.42. Bà Huỳnh Thị L⁴, sinh năm 1961 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 39A (trước đây là Tổ 40), khóm Bình Đức 4, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.43. Ông Võ Thanh H⁹, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

3.44. Bà Nguyễn Thị Hồng H¹⁰, sinh năm 1990 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 621E/33 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.45. Bà Nguyễn Thị H¹¹, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 71A Florence Avenue Blair Athol, SA 5084 Australia;

3.46. Bà Dương Thị H¹², sinh năm 1975 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 606/31 Thoại Ngọc Hầu, Khóm 3, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.47. Ông Vương Tân D¹, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

3.48. Bà Phan Thị N⁵, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 310/5 Trần Hưng Đạo, Khóm 7, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

3.49. Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Số 309/5^A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên:
Ông Đinh Văn B¹, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên – Vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:*

4.1. Nguyên đơn bà Võ Hồng S;

4.2. Bị đơn bà Võ Thị Đ;

4.3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Thanh T¹, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Thị Hồng C¹, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Thị Kim Q;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2015, bổ sung ngày 28/10/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hồng S trình bày:

Bà Võ Hồng S yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ là cụ Võ Văn T^x, Nguyễn Thị T^y để lại gồm:

- Diện tích đất ruộng 10.789 m² do cụ Võ Văn T^x đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Võ Thị Đ làm giả hợp đồng để được Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp cho bà Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 01949/QSDD/aA ngày 10/9/2002. Yêu cầu chia bằng hiện vật cho các thừa kế 10 phần bằng nhau.

- Đất ao lạng hơn 03 công tầm cắt đã được cha mẹ phân chia cho con cháu nên không yêu cầu chia.

- Căn nhà ở sát Nhà thờ Cần Xây. Đất do nhà thờ giao cho cụ T^x, còn nhà là do anh chị em hùn tiền cất. Hiện tại do bà Võ Thị Kim Q đang quản lý và cho thuê giá 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 5/2005 đến tháng 10/2015 là 65.000.000 đồng. Yêu cầu chia bằng giá trị, kể cả tiền cho thuê nhà.

- Khoản tiền 40.000.000 đồng chuyển nhượng diện tích 65,535 m² nằm ở Thửa đất số 1555 và 1556 (bản đồ 299/TTg) cho Nhà thờ, ông Lê Thanh T¹ nhận tiền theo biên nhận ngày 27/02/2010. Yêu cầu chia cho các thừa kế.

- Đất ở phường Bình Khánh gồm 500 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01239 ngày 06/12/2010 với diện tích 83,7 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04693mA ngày 28/4/2008 có diện tích 350,3 m² do bà Võ Thị Đ, ông Lê Thanh T¹ đứng tên. Yêu cầu chia cho các thừa kế.

- Yêu cầu ông T¹, bà Đ chia số tiền cho thuê kho ở Bình Khánh theo Biên bản hoà giải ngày 31/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh là 57.000.000 đồng, tiếp tục mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi xét xử;

- Yêu cầu ông T¹, bà Đ hoàn trả cho bà khoản tiền đã san lấp mặt bằng, cất nhà kho ở Bình Khánh là 5.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24K loại 9999 (tương đương 63.920.000 đồng). Tổng cộng 68.920.000 đồng;

- Yêu cầu huỷ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Võ Thị Đ, gồm: Số 01950/aA ngày 24/7/1991; Số 01949/aA ngày 10/9/2002; Số CH01239 ngày 06/12/2010; Số H 04693mA ngày 28/4/2008;

- Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Võ Thị Kim Q, gồm: Số CH02009 cấp ngày 26/9/2012 và số 02138/QSDD/aA ngày 31/8/1992;

- Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0059/aA cấp ngày 04/8/2006 mang tên Lê T¹³ và Võ Thị H⁸;

- Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06149 cấp ngày 24/02/2016 mang tên Đặng Thị T¹² và xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T¹² trong khi đang tranh chấp là không đúng.

Tại Đơn phản tố ngày 17/3/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Đ và người đại diện hợp pháp trình bày:

Yêu cầu các đương sự sau đây tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc để trả lại đất cho bà Đ đất trồng cây lâu năm thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01950/aA hoặc bồi hoàn giá trị đất theo giá tạm tính là 158.000 đồng/m². Cụ thể: Bà Võ Hồng S trả 174 m² hoặc 27.492.000 đồng; Võ Thị Cẩm H⁵ trả 145 m² hoặc 22.910.000 đồng; Võ Văn G trả 174 m² hoặc 27.492.000 đồng; Võ Ngọc

T⁷ trả 100 m² hoặc 15.800.000 đồng; Võ Thị Xuân M trả 210 m² hoặc 33.180.000 đồng; Võ Kim H² trả 270 m² hoặc 36.450.000 đồng.

Yêu cầu bà Võ Hồng S bồi thường tiền gây thiệt hại trong vụ mùa sản xuất lúa Đông Xuân là 35.019.800 đồng.

Đối với hộ bà Võ Thị Hồng C¹ khi bà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà sẽ kiện bằng vụ kiện khác. Bà không yêu cầu gì đối với ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) và bà Võ Thị Kim Q.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Võ Thị Cẩm H², Võ Văn G, Võ Thị Xuân M, Võ Kim H⁵ và anh Võ Ngọc T⁷ đều trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc T¹⁰ (tên gọi khác: P²) trình bày: Yêu cầu để nhà kho ở Bình Khánh cho bà Võ Thị Đ hưởng, chia đều phần đất ruộng ở Bình Đức cho 05 chị em gái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Q trình bày: Không đồng ý chia căn nhà diện tích 44 m², tiền cho thuê và diện tích 2.419 m² đất ruộng theo yêu cầu của nguyên đơn vì đây là tài sản riêng của bà Q, nhà là do bà Q tự xây dựng.

Tại Văn bản ngày 01/8/2016 (bút lục 982-985) và ngày 21/11/2019 (bút lục 1702) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N¹ trình bày: Ông là con trai Trưởng của cụ T^x với cụ T^y. Bà Võ Hồng S không trung thực, tạo ra các chứng cứ không có thật để lôi kéo người này, người nọ để chia rẽ tình cảm anh chị em. Ông xin vắng mặt tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 và Quyết định số 04/2024/QĐ-SCBSBA ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều: 105, 166, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 202, 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Văn T^x, cụ Nguyễn Thị T^y là quyền sử dụng đất diện tích 8.218,85 m² (7.118,2 m² + 432,8 m² + 247,1 m² + 420,4 m²); Số tiền 793.058.880 đồng (diện tích bà Đ đã chuyển nhượng 4.182,8 m²); Số tiền 40.000.000 đồng (ông T¹ nhận của nhà thờ Cần Xây) và 36.000.000 đồng (diện tích nền nhà 20 m², ½ của cụ T^x);

2. Hàng thừa kế thứ Nhất được chia theo pháp luật, được hưởng kỹ phần bằng nhau gồm: Võ Văn N¹, Võ Thị Đ, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰

(P²), Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Võ Hồng S về việc chia thừa kế diện tích đất 8.218,85 m² (7.118,2 m² + 432,8 m² + 247,1 m² + 420,4 m²); Số tiền 793.058.880 đồng (diện tích bà Đ đã chuyển nhượng 4.182,8 m²); Số tiền 40.000.000 đồng (ông T¹ nhận của nhà thờ Cần Xây) và 36.000.000 đồng (diện tích nền nhà 20 m², ½ của ông T^x);

4. Tài sản được phân chia là quyền sử dụng đất:

4.1. Giao cho bà Võ Hồng S quản lý, sử dụng diện tích 7.118,2 m² tại các điểm M7, M8, M9, M10, M11, M29, M28, M25, 154, 148 theo bản vẽ ngày 31/5/2023;

4.2. Bà Võ Thị Kim Q được quyền sở hữu nhà, vật kiến trúc và quản lý sử dụng diện tích đất 124,2 m² (tại các điểm M23, 128, 27, 143, 142, 28 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); Bà S có trách nhiệm hoàn trả cho bà Q số tiền chênh lệch 132.274.440 đồng.

4.3. Ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) được quyền sở hữu nhà, vật kiến trúc và quản lý sử dụng diện tích đất 141,9 m² (tại các điểm 128, 122, 121, 18, 17, 145, 144, 23, 22, 21, 20, 103 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); Bà S có trách nhiệm hoàn trả cho ông T¹⁰ số tiền chênh lệch 128.918.520 đồng.

4.4. Bà Võ Thị Hồng C¹ được quyền sở hữu nhà, vật kiến trúc và quản lý sử dụng diện tích đất 111,1 m² (tại các điểm 121, M3, M2, 146, 17, 18 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); Bà S có trách nhiệm hoàn trả cho bà C¹ số tiền chênh lệch 134.758.200 đồng.

4.5. Tạm giao nhà phủ thờ, khu mộ cho bà S quản lý thờ cúng cha mẹ có diện tích 105,7 m² tại các điểm 128, 123, 103, 20, 21, 22, 23, 144, 143, 27 theo bản vẽ ngày 31/5/2023;

4.6. Bà Võ Hồng S có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Võ Thị Xuân M số tiền 155.832.240 đồng;

4.7. Bà Võ Hồng S có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Võ Văn G số tiền 155.832.240 đồng;

4.8. Bà Võ Hồng S có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Võ Thị Cẩm H⁵ số tiền 155.832.240 đồng;

4.9. Bà Võ Hồng S có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Võ Văn N¹ số tiền 155.832.240 đồng;

4.10. Bà Võ Hồng S có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Võ Thị Đ số tiền 155.832.240 đồng;

4.11. Bà Võ Kim H² được quyền sở hữu nhà, vật kiến trúc và quản lý sử dụng diện tích đất 420,4 m² (tại các điểm 149, 150, 6, 7, 63, 151, M27, M26, 149 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); Bà S có trách nhiệm hoàn lại cho bà Kim H² số tiền 76.124.400 đồng.

Bà Võ Kim H² có trách nhiệm hoàn trả giá trị chênh lệch đất cho các đồng thừa kế gồm: Võ Văn N¹, Võ Thị Đ, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹, mỗi người được hưởng một kỹ phần 7.970.784 đồng.

5. Công nhận cho bà Võ Thị Kim Q quản lý, sử dụng diện tích đất 247,1 m² tại các điểm M7, 151, M32, M31 theo bản vẽ ngày 31/5/2023; Bà Q có trách nhiệm hoàn lại cho các thừa kế khác gồm: Võ Văn N¹, Võ Thị Đ, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹, mỗi người số tiền 4.685.016 đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của số tiền 40.000.000 đồng.

Ông Lê Thanh T¹, bà Võ Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho mỗi thừa kế gồm: Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹, mỗi người số tiền là 4.000.000 đồng.

7. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 4.182,2 m² (bằng tiền, hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất).

Ông Lê Thanh T¹, bà Võ Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị đất cho mỗi thừa kế gồm: Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹, mỗi người số tiền là 79.305.888 đồng.

8. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế diện tích 20 m² (1/2 = 20 m² của cụ T^x để lại)

Bà Võ Thị Kim Q có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho mỗi thừa kế gồm: Võ Văn N¹, Võ Thị Đ, Võ Văn G, Võ Hồng S, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ và Võ Thị Hồng C¹, mỗi người số tiền là 3.600.000 đồng.

(Bản vẽ ngày 09/3/2022 và bản vẽ ngày 31/5/2023 của Công ty TNHH Nhà đất Hưng Phú có đính kèm theo Bản án sơ thẩm không thể tách rời).

9. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với các tài sản sau: Diện tích đất 83,7 m²; 350,3 m²; 2.149,2 m²; 3.155 m²; số tiền 5.000.000 đồng + 02 lượng vàng 24K; số tiền thuê 57.000.000 đồng (thuê kho); 65.000.000 đồng (tiền cho thuê căn nhà của bà Q).

10. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu bà Võ Thị Xuân M, Võ Ngọc T⁷ (con ông Võ Văn G); Võ Văn G, Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Hồng S về việc hoàn giá trị quyền sử dụng đất;

10.1. Bà Võ Hồng S được quản lý sử dụng diện tích đất 134,1 m² (tại các điểm 133, 153, 156, 140, 139, 39 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); bà S có trách nhiệm hoàn cho vợ chồng ông T¹, bà Đ số tiền 25.425.360 đồng.

10.2. Bà Võ Thị Xuân M được quản lý sử dụng diện tích đất 202,2 m² (tại các điểm M6, 147, 98, 57, 137, M7 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); bà Xuân M có trách nhiệm hoàn cho vợ chồng ông T¹, bà Đ số tiền 38.431.192 đồng.

10.3. Anh Võ Ngọc T⁷ (con ông Võ Văn G) quản lý sử dụng diện tích đất 108,6 m² (tại các điểm 147, 134, 92, 94, 42, 138, 137, 47, 58, 57, 98 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); Anh T⁷ có trách nhiệm hoàn giá trị đất cho vợ chồng ông T¹, bà Đ số tiền 20.590.560 đồng.

10.4. Ông Võ Văn G được quản lý sử dụng diện tích đất 161,6 m² (tại các điểm 134, 133, 39, 139, 138, 42, 94, 152, 92 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); ông Võ Văn G có trách nhiệm hoàn giá trị đất cho vợ chồng ông T¹, bà Đ số tiền 30.639.360 đồng.

10.5. Bà Võ Thị Cẩm H⁵ được quản lý sử dụng diện tích đất 134,1 m² (tại các điểm 133, 153, 156, 140, 139, 39 theo bản vẽ ngày 31/5/2023); bà Cẩm H⁵ có trách nhiệm hoàn giá trị đất cho vợ chồng ông T¹, bà Đ số tiền 25.425.360 đồng.

11. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với bồi thường thiệt hại vụ lúa Đông Xuân (do áp dụng biện pháp kê biên) số tiền 35.000.000 đồng;

12. Công nhận lỗi đi chung của gia đình có diện tích 620,7 m² tại các điểm M7, 148, 154, M25, M26, 149, 150, M20, M21, M22, M1, M2, 146, 145, 144, 143, 142, 141, 140, 139, 138, 137, 52, M7 theo bản vẽ ngày 31/5/2023;

13. Công nhận diện tích 105,7 m² (gồm nhà phủ thờ, khu mộ) tại các điểm 128, 123, 103, 20, 21, 22, 23, 144, 143, 27 theo bản vẽ ngày 31/5/2023;

Tạm giao nhà phủ thờ, khu mộ cho bà Võ Hồng S quản lý thờ cúng cha mẹ có diện tích 105,7 m² tại các điểm 128, 123, 103, 20, 21, 22, 23, 144, 143, 27 theo bản vẽ ngày 31/5/2023;

14. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01950/aA ngày 24/7/1991;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01239 ngày 06/12/2010;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04693mA ngày 28/4/2008;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02009 cấp ngày 26/9/2012 cho bà Võ Thị Kim Q;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02138QSĐĐ/aA cấp cho bà Võ Thị Kim Q;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0059/aA cấp ngày 04/8/2006 cho anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06149 cấp ngày 24/02/2016 cho bà Đặng Thị T¹² (đã sang nhượng lại cho ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵);

15. Chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01949/aA ngày 10/9/2002, diện tích 10.789 m² cấp cho bà Võ Thị Đ;

16. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và điều chỉnh biến động đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật hiện hành;

17. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về việc cấm thay đổi hiện trạng trên tài sản đang tranh chấp là QSDĐ số 01949/aA ngày 10/9/2002 cấp cho bà Võ Thị Đ, diện tích 10.789 m²;

18. Hủy bỏ Quyết định số 09/2015/QĐ-BPĐ ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về biện pháp bảo đảm số tiền 109.890.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Long Xuyên (theo số tài khoản số 6701205005734 theo chứng từ giao dịch ngày 22/12/2015, tên khách hàng Võ Hồng S); bà Võ Hồng S liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Long Xuyên để nhận lại số tiền và lãi suất (nếu có);

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá và đo đạc; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/8/2023, nguyên đơn bà Võ Hồng S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm;

Ngày 07/8/2023, bị đơn bà Võ Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T¹ có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm;

Ngày 09/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim Q có đơn kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu chia thừa kế của bà Võ Hồng S đối với Thừa đất số 221, diện tích 44 m²; bác yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 10.789 m², trường hợp phải chia thừa kế thì không giao hiện vật cho bà S mà giao cho bà Đ hoặc giao cho bà trực tiếp canh tác, bà hoặc bà Đ sẽ hoàn trả bằng giá trị.

Cùng ngày 14/8/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M (H¹³), Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (P²) đều có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận chia di sản thừa kế trên toàn bộ tài sản có nguồn gốc của cha mẹ để lại và không công nhận những việc chuyển nhượng tài sản có dấu hiệu gian dối, không phù hợp ý chí cha mẹ đang có biểu hiện tinh thần không ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn bà Võ Hồng S kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại. Thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc T và có bổ sung thêm là đối với diện tích 44 m² thì cụ T^y đã nằm một chỗ từ năm 2001 cho đến lúc chết năm 2013 nên không có việc cụ T^y tặng cho bà Q đất này.

Ông Nguyễn Ngọc T đại diện hợp pháp cho bà Võ Hồng S đề nghị hủy Bản án sơ thẩm vì các lý do sau: *Đối với phần diện tích 83,7 m²*: Bà Đ và bà Q tự làm Giấy phân chia di sản ngày 09/10/2010 rồi mang về nhà cho bà Võ Hồng S, Võ Kim H², Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Hồng C¹ ký tên tại nhà chứ không ký tên tại phòng công chứng, bà Võ Kim H² đã sử dụng căn cước công dân, không còn sử dụng chứng minh nhân dân nhưng trong Giấy này lại ghi số chứng minh nhân dân của bà Võ Kim H², Bản án sơ thẩm không đưa phòng công chứng Mỹ Long vào tham gia tố tụng, bà Q chuyển nhượng phần đất này cho bà Đ nhưng số tiền chuyển nhượng 500.000.000 đồng là không có, trên đất này bà Võ Hồng S đã trồng sen và quản lý sử dụng từ năm 1986 đến nay; *Đối với Thừa đất số 1548, diện tích 2.419 m²*: Tòa án sơ thẩm không xác minh làm rõ về bà H¹¹ trong khi bà H¹¹ có văn bản gửi cho Tòa án xác định bà không có đất và cũng không có bán đất cho ai tại Việt Nam, phần đất này cụ T^x và cụ T^y trồng sen do bà Võ Hồng S quản lý sử dụng từ năm 1986 cho đến nay, Tòa án sơ thẩm không thu thập làm rõ hồ sơ chuyển nhượng đất từ bà H¹¹ qua cho bà Q, không đo đạc, không có ký giáp ranh; *Đối với diện tích 3.155 m² ở phường Bình Đức*: Các ông bà: Huỳnh Hoàng Em (là con của ông Huỳnh Văn Tiên), Lê Thái Anh, Nguyễn Thị Nhân đã trực tiếp đến trình bày với Tòa án là họ không bán đất cho bà Đ, mà là bán đất cho cụ T^x, hồ sơ chuyển nhượng đất cũng không có đo đạc, không ký giáp ranh; *Đối với diện tích 10.789 m²*: Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc chia thừa kế, vì chỉ giao cho các thừa kế quản lý đất mà không có công nhận đất cho họ; *Đối với diện tích 44 m²*: Cụ T^y đã không bình thường từ năm 2001 nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ T^y với bà Q là không đúng; Việc phân chia chi phí thẩm định cũng không hợp lý. Do nhiều vấn đề còn mâu thuẫn, phức tạp chưa được làm rõ như đã nêu trên, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Võ Hồng S, hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo gồm: Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Thị Hồng C¹ và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Võ Ngọc T¹⁰ (P²) là bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹ đều kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm với các lý do như bà Võ Hồng S và ông Nguyễn Ngọc T đã trình bày.

Người có kháng cáo ông Lê Thanh T¹ (và cũng là người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị Kim Q) không đồng ý với kháng cáo của các ông, bà: Võ Hồng S, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Thị Hồng C¹ và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) là bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹; đồng thời yêu cầu công nhận diện tích 10.789 m² cho bà Đ, không chia thừa kế vì phần diện tích đất này cha mẹ đã tặng cho vợ chồng ông từ năm 2002; Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà vợ chồng ông nhận của nhà thờ Cần Xây là do nhà thờ sử dụng một phần đất của vợ chồng ông khai phá, không phải là đất của cha mẹ nên không đồng ý chia thừa kế; đối với diện tích 44 m² thì cụ T^y đã tặng cho bà Q và bà Q san lấp cát cát nhà nên không đồng ý chia thừa kế đất và số tiền cho thuê nhà trên đất này; Yêu cầu giao nhà phủ thờ và khu mộ cho bà Đ quản lý; Trường hợp bà Đ được

công nhận diện tích 10.789 m² thì đồng ý giữ nguyên hiện trạng cho các chủ nhà phần diện tích gắn với căn nhà nằm trên đất theo các bản vẽ mà không đòi chủ nhà phải trả giá trị đất; bà Đ và bà Q cũng đều không có yêu cầu chia công sức gìn giữ, quản lý di sản.

Luật sư Trần Văn Nghĩa đề nghị xem xét bà Sơn đã có Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị Chúc ghi ngày 11/5/2015 từ năm 2015 nhưng bà S không cung cấp giấy này cho Tòa án xem xét, phiên tòa sơ thẩm cũng mở đến 04 lần mà bà S cũng không cung cấp giấy này, chỉ đến tại phiên tòa sơ thẩm cuối cùng thì bà S mới cung cấp cho Tòa án. Sau khi Tòa án sơ thẩm căn cứ vào giấy xác nhận này của bà Chúc để xét xử thì bà Đ đã tìm gặp trực tiếp bà Chúc thì bà Chúc trình bày bà không có đánh máy nội dung giấy xác nhận, cũng không có ra Ủy ban nhân dân phường để làm giấy xác nhận, bà cũng không nhớ tình trạng bệnh của cụ T^x và cụ T^y như thế nào, chỉ nhớ có tiếp xúc cụ T^x 02 ngày. Do đó, không có căn cứ cho rằng cụ T^x với cụ T^y không minh mẫn khi lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cho bà Đ; Tại thời điểm này (năm 2002) không có mẫu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà chỉ có mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên việc sử dụng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong đó ghi rõ nội dung tặng cho quyền sử dụng đất là không vi phạm về hình thức, nhiều Tòa án cũng đã chấp nhận hình thức này. Năm 2013, cụ T^y vẫn còn ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Q nên việc cho rằng cụ T^y nằm một chỗ từ năm 2001 là không có căn cứ; Cụ T^y đã tặng cho bà Q toàn bộ diện tích 44 m² nên đề nghị công nhận toàn bộ diện tích đất này cho bà Q. Từ các lý do trên, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bà S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo có ý kiến giống như bà S, chấp nhận kháng cáo của bà Đ, ông T¹, bà Q, sửa Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đơn kháng cáo đều hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác toàn bộ các đơn kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Một số vấn đề về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các đương sự: Võ Hồng S (S¹), Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M (H¹³), Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹, Võ Ngọc T¹⁰ (P²), Võ Thị Kim Q, Võ Thị Đ, Lê Thanh T¹ đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự có kháng cáo đều có mặt và có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng họ đều là

những người không có kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Võ Ngọc M¹ (chưa có vợ con) chết và ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) chết, nên vợ và con của ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) là bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹ được xác định vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²).

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện và tất cả các đương sự đều thống nhất các vấn đề sau đây:

Cụ Võ Văn T^x và cụ Nguyễn Thị T^y có 10 người con chung gồm các ông, bà: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Thị Kim Q, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (*Tên gọi khác: P² – chết, có vợ là Nguyễn Thị Kim T⁹, Võ Ngọc Q¹, Võ Ngọc M¹ – chết*).

Cụ Võ Văn T^x chết ngày 11/11/2002; Cụ Nguyễn Thị T^y chết ngày 26/3/2013, hai cụ đều không có di chúc.

[3] Xác định di sản của cụ Võ Văn T^x và cụ Nguyễn Thị T^y:

[3.1] Đối với diện tích 343,35 m² có nguồn gốc của cụ T^x và cụ T^y nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28/10/2002, tất cả 10 người con của cụ T^x và cụ T^y lập “Giấy tự thuận” xác định cụ T^x và cụ T^y đã tặng cho bà Võ Thị Đ phần đất này, không phân chia thừa kế. Trên cơ sở đó, bà Võ Thị Đ đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 357724, số vào sổ cấp GCN: H.04693/mA ngày 28/4/2008, Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, phần diện tích đất này không còn là di sản của cụ T^x và cụ T^y.

[3.2] Đối với Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do cụ Nguyễn Thị T^y đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 004552, số vào sổ cấp GCN: CH00402 ngày 06/5/2010. Vào ngày 09/10/2010, cụ T^y và 10 người con của cụ T^x, cụ T^y lập “Văn bản phân chia di sản thừa kế” đều thống nhất giao cho cụ T^y toàn quyền sử dụng diện tích đất này. Tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của Ủy ban nhân dân phường Bình Đức công nhận bà Võ Thị Kim Q là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị T^y. Ngày 29/10/2010, tất cả 10 người con của cụ T^x, cụ T^y lập “Tờ thoả thuận về việc cử người giám sát việc giám hộ” thống nhất cử ông Võ Văn N¹ giám sát việc giám hộ của bà Q đối với cụ T^y. Ngày 27/10/2010, bà Q với tư cách là người giám hộ cho cụ T^y có đơn xin bán tài sản giám hộ là Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m², được người giám sát việc giám hộ là ông Võ Văn N¹ chấp thuận. Ngày 29/10/2010, bà Q với tư cách người giám hộ cho cụ T^y ký hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m² cho bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 041031, số vào sổ cấp GCN: CH01239 ngày 06/12/2010, Thửa

đất số 312, diện tích 83,7 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, phần diện tích đất này không còn là di sản của cụ T^x và cụ T^y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự: Võ Hồng S, Võ Kim H², Võ Thị Cẩm H⁵, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Hồng C¹ đều thừa nhận đã ký tên vào “Văn bản phân chia di sản thừa kế” nhưng cho rằng không ký tên tại Văn phòng công chứng mà ký tên tại nhà riêng, từ đó yêu cầu không công nhận “Văn bản phân chia di sản thừa kế”. Tất cả các đương sự đều thừa nhận đã tự nguyện ký tên vào văn bản này, chứng tỏ ý chí đã thống nhất với nội dung của văn bản, nên lời nại ra của các đương sự là không có cơ sở.

Do vậy, số tiền 57.000.000 đồng cho thuê kho (kho cất trên Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² và Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh) cũng không phải là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

[3.3] Đối với diện tích 2.419 m² là của bà Nguyễn Thị H¹¹ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00569 QSDĐ/aA ngày 05/9/1990. Ngày 01/4/1992, Ủy ban nhân dân phường Bình Đức chấp thuận cho bà Q bồi hoàn thành quả lao động cho bà H¹¹ và bà Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 02138 QSDĐ/aA ngày 31/8/1992, Thửa đất số 1548, diện tích 2.419 m², Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Do đó, phần đất này không phải là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

Bà S cung cấp “GIAY XÁC NHẬN” ghi ngày 10/11/2017 (bút lục số 1142) của một người ghi tên là Nguyen Thi Hương đang cư ngụ tại Australia xác định không có đất và không bán đất tại Việt Nam cho ai, nhưng văn bản trên không được hợp pháp hóa lãnh sự nên theo quy định tại Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự thì văn bản này không được xem là chứng cứ; Trái lại, cơ quan quản lý đất đai tại địa phương đã cung cấp bà Nguyễn Thị H¹¹ đã được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được chính quyền địa phương cho phép chuyển quyền sử dụng đất sang bà Võ Thị Kim Q và bà Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 31/8/1992 là lúc cụ T^x, cụ T^y còn sống nhưng không ai có tranh chấp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Võ Hồng S và những người có kháng cáo giống như kháng cáo của bà Võ Hồng S.

[3.4] Đối với diện tích 3.155 m² gồm 05 thửa đất: Thửa đất số 1542, diện tích 740 m², LNK; Thửa đất số 1544, diện tích 594 m², 2L; Thửa đất số 1545, diện tích 486 m², 2L; Thửa đất số 1546, diện tích 900 m², 2L; Thửa đất số 1547, diện tích 435 m², 2L cùng Tờ bản đồ số 01, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do bà Võ Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 01950 QSDĐ/aA ngày 24/7/1991;

Bà Đ trình bày các thửa đất này là bà nhận chuyển nhượng từ năm 1988-1989 của 03 người là: Lê Thái Anh, Nguyễn Thị Nhân và Huỳnh Văn Tiên, tất cả đều có làm giấy tay được Trưởng ban nhân dân khóm xác nhận. Tuy hiện nay anh Huỳnh Hoàng Em (là con của ông Huỳnh Văn Tiên), ông Lê Thái Anh, bà

Nguyễn Thị Nhân đều trình bày họ không có chuyển nhượng đất cho bà Đ, mà họ chuyển nhượng đất cho cụ T^x, nhưng cả 03 người đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh họ chuyển nhượng đất cho cụ T^x, trong khi các giấy tờ đều thể hiện họ chuyển nhượng đất cho bà Võ Thị Đ, đồng thời bà Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991 là lúc cụ T^x, cụ T^y còn sống nhiều năm, nhưng không ai có ý kiến gì và cũng không có ai tranh chấp. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất này là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

[3.5] Đối với diện tích 10.789 m² gồm 04 thửa đất: Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L và Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK đều do cụ Võ Văn T^x đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 01949 QSDĐ/aA ngày 24/7/1991;

Ngày 26/7/2002, Cụ T^x và cụ T^y đã tặng cho bà Đ dưới hình thức cụ Võ Văn T^x (lấn tay) và cụ Nguyễn Thị T^y (ký tên) vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị Đ, có nội dung: *“Hiện nay vợ chồng tôi đã già yếu, bị bệnh thường xuyên nên không còn điều kiện để khai thác số diện tích đất này. Do đó, vợ chồng tôi chuyển nhượng QSDĐ theo giấy chứng nhận nêu trên cho con tôi là Võ Thị Đ vì vợ chồng tôi đã xác định chỉ có vợ chồng Võ Thị Đ mới có đầy đủ uy tín và điều kiện để định đoạt việc sử dụng số đất này để chăm lo cho vợ chồng tôi sau này”*. Hợp đồng này được Ủy ban nhân dân phường Bình Đức thẩm tra ngày 26/7/2002, được Phòng quản lý phát triển đô thị xác nhận hồ sơ hợp lệ ngày 28/8/2002, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên chấp thuận cho chuyển nhượng ngày 09/9/2002 và bà Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 386639, số vào sổ cấp GCN: 01949 QSDĐ/aA ngày 10/9/2002 đối với 04 thửa đất gồm: Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L và Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tại Công văn số 633/UBND-NC ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên có nội dung: *“Trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn T^x và bà Võ Thị Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 và Điều 11 Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ ... đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ...”*.

Cụ T^x không biết chữ nhưng cụ T^y là người biết chữ và cụ T^y đã ký tên vào hợp đồng cùng với việc điểm chỉ của cụ T^x, hợp đồng chuyển nhượng cũng đã được Ủy ban nhân dân phường xác nhận, đã được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai kiểm tra đúng thủ tục; Tại Vi bằng số 39/VB-TPL ngày 27/9/2023 bà Nguyễn Thị Chúc trình bày bà không ra Ủy ban nhân dân phường, cũng không đánh máy, không viết nội dung Văn bản xác nhận ngày 11/5/2015; Đối với bệnh tật của hai cụ thì mấy chục năm rồi nên bà không nhớ nổi, bà chỉ nhớ có tiếp cận

cụ T^x 02 ngày rồi cụ T^x đi Bệnh viện Chợ Rẫy, còn cụ T^y bệnh như thế nào thì bà không nhớ; bà Nguyễn Thị Chúc cũng không phải là giám định viên tư pháp nên không có thẩm quyền xác định tình trạng tâm thần của con người. Mặt khác, bà Võ Hồng S và những người kháng cáo có cùng ý kiến với bà Võ Hồng S cho rằng cụ T^x với cụ T^y có vấn đề về tâm thần từ năm 2001, cụ T^x chết vào tháng 11/2002 còn cụ T^y còn sống cho đến tháng 3/2013 mới chết, nhưng không ai cung cấp được bệnh án hay tài liệu gì thể hiện vào thời điểm hai cụ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đ (ngày 26/7/2002) thì cụ T^x và cụ T^y đều có vấn đề về tâm thần hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự hay bị lừa dối. Mặt khác, bà Đ đã trực tiếp quản lý sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002 nhưng không ai tranh chấp, chỉ đến sau khi hai cụ đều đã chết (năm 2013) là hơn mười năm thì mới có tranh chấp.

Vì vậy, Bản án sơ thẩm cho rằng cụ T^x không biết chữ nhưng không có người làm chứng và căn cứ vào Văn bản xác nhận ngày 11/5/2015 của bà Nguyễn Thị Chúc về tình trạng tâm thần, bệnh tật của cụ T^x, cụ T^y đề cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2002 giữa cụ T^x, cụ T^y với bà Đ vi phạm về hình thức và nội dung là không có cơ sở. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích đất này là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

[3.6] Đối với diện tích 44 m² có nguồn gốc do nhà thờ Cần Xây trả cho cụ T^x năm 2003 và cụ Nguyễn Thị T^y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 091089, số vào sổ cấp GCN H.01952aA ngày 06/6/2006. Ngày 08/8/2009, cụ T^y tặng cho bà Võ Thị Kim Q (dưới hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và bà Võ Thị Kim Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 614586, số vào sổ cấp GCN: CH02009 ngày 26/9/2012, Thửa đất số 221, diện tích 44 m², loại đất ODT, Tờ bản đồ số 22, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Phần đất này là tài sản chung của cụ T^x với cụ T^y nhưng cụ T^y định đoạt toàn bộ mà không có ý kiến của các thừa kế của cụ T^x nên việc cụ T^y tặng cho bà Q chỉ có hiệu lực đối với phần của cụ T^y là ½ diện tích đất và kỹ phần thừa kế của cụ T^y được hưởng từ cụ T^x, tổng cộng là 24 m². Do cụ T^y đã tặng cho phần của của cụ T^y nên diện tích 24 m² không còn là di sản của cụ T. Phần còn lại 20 m² được xác định là di sản của cụ T^x cho 10 người con (kỹ phần của cụ T^y được hưởng từ cụ T^x thì cụ T^y đã tặng cho bà Q) .

Căn nhà cho thuê trên diện tích đất này là do bà Q cất sau khi được cụ T^y cho đất, nên không có căn cứ để xác định số tiền cho thuê nhà (theo bà S trình bày là 65.000.000 đồng) là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

[3.7] Đối với diện tích 4.130 m² (đo đạc thực tế 4.182,8 m²) gồm Thửa đất số 1555, diện tích 1.660 m², 2L và Thửa đất số 1556, diện tích 2.470 m², 2L cùng Tờ bản đồ số 01, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do bà Võ Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 03131 QSDĐ/aA ngày 16/7/2003:

Ngày 06/8/2003, vợ chồng bà Đ, ông T¹ chuyển nhượng cho con và rể là vợ chồng chị Võ Thị H⁸, anh Lê T¹³ một phần Thửa đất số 1555, một phần Thửa

đất số 1556 và anh T¹³, chị H⁸ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00600aA ngày 08/8/2006, Thửa đất số 1555, diện tích 399 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00599aA ngày 08/8/2006, Thửa đất số 1556, diện tích 595 m² cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức.

Cùng ngày 06/8/2003, vợ chồng bà Đ, ông T¹ chuyển nhượng phần còn lại của Thửa đất số 1555 và phần còn lại của Thửa đất số 1556 cho ông Phan Thế Như, bà Dương Thị Hà và ông Như, bà Hà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03163 QSDD/aA ngày 03/11/2003, Thửa đất số 2451, diện tích 3.136 m², Tờ bản đồ số 01, phường Bình Đức. Ngày 06/11/2013, ông Như, bà Hà chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này lại cho ông Bành Hôn được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận vào trang 4 Giấy chứng nhận; Ngày 09/01/2016 ông Bành Hôn chuyển nhượng lại cho bà Đặng Thị T¹² toàn bộ diện tích 3.136 m², nhưng qua đo đạc thực tế chỉ còn 3.100 m² do sai số của hai cách đo vẽ và bà Đặng Thị T¹² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 742718, số vào sổ cấp GCN: CH06149 ngày 24/02/2016, Thửa đất số 142, diện tích 3.100 m², Tờ bản đồ số 86, phường Bình Đức. Bà T¹² tặng toàn bộ diện tích đất trên cho bà Dương Thị H¹² và bà H¹² được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Long Xuyên cập nhật vào giấy chứng nhận ngày 04/12/2019. Bà H¹² chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵ và ông D¹, bà N⁵ đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Long Xuyên cập nhật vào giấy chứng nhận ngày 05/11/2020.

Bà Võ Thị Đ trình bày bà được cha mẹ tặng cho Thửa đất số 1555 và Thửa đất số 1556 nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà được cụ T^x và cụ T^y tặng cho hay chuyển nhượng hai thửa đất trên. Do đó, có căn cứ xác định Thửa đất số 1555 và Thửa đất số 1556 vẫn là di sản của cụ T^x với cụ T^y, đồng thời số tiền 40.000.000 đồng mà ông T¹, bà Đ đã nhận của nhà thờ Cần Xây do đã đồng ý cho nhà thờ Cần Xây sử dụng một phần diện tích thuộc Thửa đất số 1555 và Thửa đất số 1556, cũng là di sản của cụ T^x với cụ T^y.

[3.8] Từ các phân tích trên, có căn cứ để xác định:

[3.8.1] Di sản của cụ T^x với cụ T^y để lại là Thửa đất số 1555 và Thửa đất số 1556, tổng diện tích 4.130 m² (đo đạc thực tế 4.182,8 m²) phường Bình Đức; Số tiền 40.000.000 đồng; Phần di sản của cụ T^x để lại cho 10 người con còn có 20 m² thuộc Thửa đất số 221 phường Bình Đức.

[3.8.2] Không có căn cứ để xác định di sản của cụ Võ Văn T^x với cụ Nguyễn Thị T^y đối với các thửa đất và các số tiền sau đây:

- Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh;

- Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh;

- Số tiền 57.000.000 đồng cho thuê kho (cát trên Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² và Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh);

- Thửa đất số 1548, diện tích 2.419 m², Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức;

- Các thửa đất gồm: Thửa đất số 1542, diện tích 740 m², LNK; Thửa đất số 1544, diện tích 594 m², 2L; Thửa đất số 1545, diện tích 486 m², 2L; Thửa đất số 1546, diện tích 900 m², 2L; Thửa đất số 1547, diện tích 435 m², 2L cùng Tờ bản đồ số 01, phường Bình Đức;

- Các thửa đất gồm: Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L và Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức;

- Diện tích 24 m² thuộc Thửa đất số 221 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và số tiền cho thuê kho trên Thửa đất số 221, phường Bình Đức (theo bà Sơn trình bày là 65.000.000 đồng).

Và do vậy, không có căn cứ để chấp nhận khởi kiện của bà Võ Hồng S yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất không là di sản của cụ Võ Văn T^x với cụ Nguyễn Thị T^y và các thửa đất buộc bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị Kim Q hoàn trả kỹ phần thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất cho các thừa kế.

[4] Cụ Võ Văn T^x và cụ Nguyễn Thị T^y đều không có di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 việc phân chia di sản theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các ông, bà: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (P²) đều là người thừa kế hàng thứ Nhất của cụ Võ Văn T^x và cụ Nguyễn Thị T^y.

Những người quản lý di sản đều không yêu cầu tính công sức gìn giữ, duy trì di sản nên di sản của hai cụ được chia thành 10 phần bằng nhau, mỗi thừa kế được hưởng một kỹ phần.

[4.1] Chia thừa kế đối với di sản của cụ T^x là 20 m² thuộc Thửa đất số 221 phường Bình Đức:

Do diện tích đất quá nhỏ không thể chia bằng hiện vật và bà Q đã cất căn nhà trên toàn bộ diện tích đất, nên giao cho bà Q được sử dụng toàn bộ diện tích và buộc bà Q hoàn trả cho các thừa kế khác bằng giá trị. Bà Q không yêu cầu tính công sức duy trì di sản, nên diện tích 20 m² được chia đều cho 10 người thừa kế, mỗi kỹ phần là 02 m².

Biên bản định giá ngày 16/4/2019 xác định giá đất là 1.800.000 đồng/m². Do đó, bà Q được hưởng 01 kỹ phần là 02 m² và hoàn trả cho 09 người thừa kế còn lại, mỗi người 01 kỹ phần là 02 m², trị giá 3.600.000 đồng.

[4.2] Chia thừa kế đối với di sản của cụ T^x với cụ T^y là số tiền 40.000.000 đồng mà ông T¹, bà Đ đã nhận của nhà thờ Cần Xây: Bà Đ được hưởng 01 kỷ phần là 4.000.000 đồng; Bà Đ, ông T¹ phải hoàn cho mỗi thừa kế khác số tiền là 4.000.000 đồng/kỷ phần.

[4.3] Chia thừa kế đối với di sản của cụ T^x với cụ T^y là Thừa đất số 1555 và Thừa đất số 1556, diện tích 4.130 m² (đo đạc thực tế 4.182,8 m²) phường Bình Đức:

Tuy bà Đ không chứng minh được việc cụ T^x và cụ T^y tặng cho bà hai thửa đất này, nhưng bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi vợ chồng bà Đ chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Phan Thế Như, bà Dương Thị Hà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho anh Lê T¹³, chị Võ Thị H⁸, các đương sự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất ông Như bà Hà nhận chuyển nhượng đã được chỉnh lý lại thành Thừa đất số 2451 rồi chuyển nhượng lại cho ông Bành Hôn và ông Hôn cũng đã được cập nhật biến động vào Giấy chứng nhận, năm 2016 ông Bành Hôn chuyển nhượng lại cho bà Đặng Thị T¹² được chỉnh lý lại thành Thừa đất số 142, chỉnh lý diện tích chỉ còn 3.100 m². Bà T¹² tặng toàn bộ diện tích đất trên cho bà Dương Thị H¹² và bà H¹² được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Long Xuyên cập nhật vào giấy chứng nhận ngày 04/12/2019. Bà H¹² chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵ và ông D¹, bà N⁵ đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh Long Xuyên cập nhật vào giấy chứng nhận ngày 05/11/2020.

Hiện trạng đất do ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵, anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸ đang quản lý sử dụng đất; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các đương sự đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng trước khi chuyển nhượng đất lại cho người khác và người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau cùng cũng đã được cập nhật biến động vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không buộc những người đang quản lý sử dụng đất phải trả lại đất, mà buộc bà Võ Thị Đ phải hoàn trả cho các thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Công văn số 24/2022 ngày 24/6/2022 và Bản trích đo hiện trạng khu đất đo vẽ ngày 04/3/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang duyệt ngày 09/3/2022 thì Thừa đất số 1555 và Thừa đất số 1556 phường Bình Đức đo đạc thực tế chỉ còn 4.182,8 m² (Theo giấy chứng nhận diện tích là 4.130 m²).

Biên bản định giá ngày 16/4/2019 xác định giá đất là 189.600 đồng/m² x 4.182,8 m² = 793.058.880 đồng. Bà Đ không yêu cầu tính công sức duy trì di sản, số tiền được chia đều cho 10 người thừa kế, mỗi kỷ phần là 79.305.888 đồng, làm tròn số 79.306.000 đồng. Bà Đ được hưởng 01 kỷ phần trị giá

79.306.000 đồng; Bà Đ và ông T¹ phải hoàn trả cho các thừa kế mỗi người 01 kỳ phần là 79.306.000 đồng.

[5] Đối với khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Hồng S yêu cầu bà Đ, ông T¹ hoàn trả cho bà tiền hùn xây cất nhà kho 5.000.000 đồng và 02 lượng vàng 24K nhưng không được bà Đ, ông T¹ thừa nhận. Bà S không có chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà Võ Hồng S.

[6] Quyền và nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ của các con là ngang nhau, căn nhà phủ thờ là do bà Võ Hồng S xây dựng và có 06 người thừa kế (cộng với bà S nữa là 07 người/10 người) thống nhất giao căn nhà phủ thờ và khu mộ cho bà S quản lý, chỉ có 03 người (Đ, Q, N¹)/10 người con của cụ T^x, cụ T^y đề nghị giao cho bà Đ quản lý. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Đ và bà Q yêu cầu giao nhà phủ thờ và khu mộ cho bà Đ quản lý, mà giao cho bà S quản lý là phù hợp.

[7] Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất đo vẽ ngày 04/3/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang duyệt ngày 09/3/2022 thì trên các thửa đất: Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L và Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức (do bà Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đang tồn tại các vật kiến trúc sau:

- Căn nhà bê tông của bà Võ Thị Hồng C¹ diện tích 81 m² (trong đó có 72,1 m² thuộc Thửa đất số 1541 và 8,9 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà gỗ của ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²) diện tích 137,8 m² (trong đó có 67,9 m² thuộc Thửa đất số 1541, diện tích 43,7 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 26,2 m² nằm trên ruộng nước do Ủy ban nhân dân phường Bình Đức quản lý);

- Khu mộ có diện tích 48,7 m² (trong đó có 41,2 m² thuộc Thửa đất số 1541 và 7,5 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà bê tông phủ thờ do bà Võ Hồng S quản lý có diện tích 27,1 m² thuộc Thửa đất số 1541;

- Căn nhà bê tông của bà Võ Thị Kim Q diện tích 99,1 m² (trong đó có 68,4 m² thuộc Thửa đất số 1541 và 30,7 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà bê tông của bà Võ Hồng S diện tích 103,8 m² (trong đó có 75,4 m² thuộc Thửa đất số 1542 và 28,4 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà bê tông của bà Võ Thị Cẩm H⁵ diện tích 81,2 m² (trong đó có 76,4 m² thuộc Thửa đất số 1542 và 4,8 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà gỗ của ông Võ Văn G diện tích 97,8 m² (trong đó có 88,7 m² thuộc Thửa đất số 1542 và 9,1 m² nằm trên đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Căn nhà gỗ của anh Võ Ngọc T⁷ diện tích 57, m² thuộc Thửa đất số 1542;

- Căn nhà gỗ của bà Võ Thị Xuân M diện tích 92,8 m², mái che diện tích 34,3 m² thuộc Thửa đất số 1542 và 0,3 m² nằm trên Thửa đất số 1549;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh T¹ (và cũng là người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Đ) thống nhất giữ nguyên diện tích đất gắn liền nhà ở cho chủ sử dụng nhà mà không yêu cầu hoàn trả giá trị đất, nên ghi nhận.

[8] Do sửa Bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng được xác định lại như sau: Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tổng chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 32.743.000 đồng. Mỗi thừa kế đều được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị ngang nhau nên mỗi thừa kế phải chịu 1/10 chi phí tố tụng. Bà Võ Hồng S đã nộp tạm ứng đủ nên các thừa kế còn lại phải nộp 3.274.300 đồng/thừa kế để hoàn trả lại cho bà Võ Hồng S.

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12 và Điều 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[9.1] Do sửa Bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Mỗi thừa kế đều được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị ngang nhau là 86.906.000 đồng (79.306.000 đồng + 4.000.000 đồng + 3.600.000 đồng), nên đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.345.300 đồng; Các đương sự: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Ngọc T¹⁰ (P²) là người cao tuổi nên được miễn; Các đương sự: Võ Kim H², Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Xuân M, Võ Thị Hồng C¹, Võ Thị Kim Q đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Lê Thanh T¹ đều là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của họ không được chấp nhận.

Bà Võ Thị Kim Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu không được chấp nhận (Giá trị 20 m² = 36.000.000 đồng) với số tiền là 1.800.000 đồng;

[9.2] Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp;

[10] Quyết định của Bản án sơ thẩm về bác yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Đ đòi bà Võ Hồng S bồi thường tiền gây thiệt hại vụ Đông Xuân là 35.000.000 đồng; về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/12/2015 và hủy Quyết định buộc thực hiện biện

pháp bảo đảm số 09/2015/QĐ-BPBD ngày 21/12/2015 đều của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 12, 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Đ; Không chấp nhận kháng cáo của các đương sự: Võ Thị Kim Q, Võ Hồng S, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M (H¹³), Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (P² – người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹); Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, như sau:

2.1. Không chấp nhận khởi kiện của bà Võ Hồng S yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất và các số tiền sau đây: Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² và Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m² cùng Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh; Số tiền 57.000.000 đồng cho thuê kho (cát trên Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² và Thửa đất số 312, diện tích 83,7 m² cùng Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh); Thửa đất số 1548, diện tích 2.419 m²; Thửa đất số 1542, diện tích 740 m², LNK; Thửa đất số 1544, diện tích 594 m², 2L; Thửa đất số 1545, diện tích 486 m², 2L; Thửa đất số 1546, diện tích 900 m², 2L; Thửa đất số 1547, diện tích 435 m², 2L; Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L và Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức; Diện tích 24 m² thuộc Thửa đất số 221 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và số tiền cho thuê kho trên Thửa đất số 221, phường Bình Đức (theo bà S trình bày là 65.000.000 đồng).

2.2. Không chấp nhận khởi kiện của bà Võ Hồng S yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 357724, số vào sổ cấp GCN: H.04693/mA cấp cho bà Võ Thị Đ ngày 28/4/2008, Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 357724, số vào sổ cấp GCN: H.04693/mA cấp cho bà Võ Thị Đ ngày 28/4/2008, Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m², Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 02138 QSDĐ/aA cấp cho bà Võ Thị Kim Q ngày 31/8/1992, Thửa đất số 1548, diện

tích 2.419 m², Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 01950 QSDĐ/aA cấp cho bà Võ Thị Đ ngày 24/7/1991 đối với Thửa đất số 1542, diện tích 740 m², LNK; Thửa đất số 1544, diện tích 594 m², 2L; Thửa đất số 1545, diện tích 486 m², 2L; Thửa đất số 1546, diện tích 900 m², 2L; Thửa đất số 1547, diện tích 435 m², 2L cùng Tờ bản đồ số 01, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 386639, số vào sổ cấp GCN: 01949 QSDĐ/aA cấp cho bà Võ Thị Đ ngày 10/9/2002 đối với Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L; Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 614586, số vào sổ cấp GCN: CH02009 cấp cho bà Võ Thị Kim Q ngày 26/9/2012, Thửa đất số 221, diện tích 44 m², loại đất ODT, Tờ bản đồ số 22, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00600aA cấp cho anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸ ngày 08/8/2006, Thửa đất số 1555, diện tích 399 m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00599aA cấp cho anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸ ngày 08/8/2006, Thửa đất số 1556, diện tích 595 m² cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 742718, số vào sổ cấp GCN: CH06149 cấp cho bà Đặng Thị T¹² ngày 24/02/2016, cập nhật sang tên cho ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵ ngày 05/11/2020, Thửa đất số 142, diện tích 3.100 m², Tờ bản đồ số 86, phường Bình Đức;

Không chấp nhận khởi kiện của bà Võ Hồng S yêu cầu bà Võ Thị Đ, ông Lê Thanh T¹ phải trả cho bà tiền hùn xây cất nhà kho 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và 02 (*Hai*) lượng vàng 24K;

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng S; Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Đ, không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh T¹, bà Võ Thị Kim Q;

Chia thừa kế theo pháp luật đối với các di sản của cụ Võ Văn T^x và cụ Nguyễn Thị T^y như sau:

2.3.1. Buộc bà Võ Thị Đ hoàn trả cho các ông, bà: Võ Hồng S, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (*do bà Nguyễn Thị Kim T⁹, Võ Ngọc Q¹ kế thừa*), mỗi thừa kế một kỷ phần là 79.306.000 đồng và 4.000.000 đồng. Tổng cộng 83.306.000 đồng (*Tám mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*)/thừa kế;

Bà Võ Thị Đ được hưởng một kỷ phần là 83.306.000 đồng (*Tám mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*);

2.3.2. Buộc bà Võ Thị Kim Q hoàn trả cho các ông, bà: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (do bà Nguyễn Thị Kim T⁹, Võ Ngọc Q¹ kế thừa), mỗi thừa kế một kỷ phần là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bà Võ Thị Kim Q được hưởng một kỷ phần là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Đ và ông Lê Thanh T¹ thống nhất cho các đương sự sau đây được quyền sử dụng đất mà không phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất, gồm có:

2.4.1. Công nhận cho bà Võ Thị Hồng C¹ được quyền sử dụng 72,1 m² thuộc Thửa đất số 1541 (được xác định tại các điểm: 16, 17, 121, 120 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có căn nhà bê tông của bà Võ Thị Hồng C¹;

2.4.2. Công nhận cho ông Võ Ngọc T¹⁰ (P² – do bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹ kế thừa) được quyền sử dụng 67,9 m² thuộc Thửa đất số 1541 (được xác định tại các điểm: 19, 20, 123, 122 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có căn nhà gỗ của ông Võ Ngọc T¹⁰ (P²);

2.4.3. Công nhận cho bà Võ Thị Kim Q được quyền sử dụng 68,4 m² thuộc Thửa đất số 1541 (được xác định tại các điểm: 27, 28, M23, 128 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có căn nhà bê tông của bà Võ Thị Kim Q;

2.4.4. Tạm giao cho bà Võ Hồng S được quyền sử dụng 41,2 m² thuộc Thửa đất số 1541 (được xác định tại các điểm: 22, 21, 26, 25, 127, 126 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có khu mộ do bà Võ Hồng S quản lý;

2.4.5. Tạm giao cho bà Võ Hồng S được quyền sử dụng 27,1 m² thuộc Thửa đất số 1541 (được xác định tại các điểm: 20, 21, 25, 104, 103 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có ngôi nhà bê tông (phủ thờ) do bà Võ Hồng S quản lý;

2.4.6. Công nhận cho bà Võ Hồng S được quyền sử dụng 76,4 m² thuộc Thửa đất số 1542 (được xác định tại các điểm: 32, 33, 130, 129 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có ngôi nhà bê tông của bà Võ Hồng S;

2.4.7. Công nhận cho bà Võ Thị Cẩm H⁵ được quyền sử dụng 75,4 m² thuộc Thửa đất số 1542 (được xác định tại các điểm: 34, 38, 132, 131 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất dính kèm), trên đất có ngôi nhà bê tông của bà Võ Thị Cẩm H⁵;

2.4.8. Công nhận cho ông Võ Văn G được quyền sử dụng 88,7 m² thuộc Thửa đất số 1542 (được xác định tại các điểm: 39, 40, 41, 42, 94, 95, 93, 92,

134, 133 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất đính kèm), trên đất có ngôi nhà bê tông của bà Võ Thị Cẩm H⁵;

2.4.9. Công nhận cho anh Võ Ngọc T⁷ được quyền sử dụng 57,2 m² thuộc Thửa đất số 1542 (được xác định tại các điểm: 46, 47, 97, 96 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất đính kèm), trên đất có ngôi nhà gỗ của anh Võ Ngọc T⁷;

2.4.10. Công nhận cho bà Võ Thị Xuân M được quyền sử dụng diện tích 92,8 m², diện tích 34,3 m² thuộc Thửa đất số 1542 (được xác định tại các điểm: 99, 98, 57, 56, 55 và các điểm: 54, 55, 56, 50, 51, 52, 53 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất đính kèm) và 0,3 m² thuộc Thửa đất số 1549 (được xác định tại các điểm: 52, 135, 136 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất đính kèm), trên đất có ngôi nhà gỗ, mái che của bà Võ Thị Xuân M;

2.4.11. Công nhận diện tích 620,7 m² tại các điểm M7, 148, 154, M25, M26, 149, 150, M20, M21, M22, M1, M2, 146, 145, 144, 143, 142, 141, 140, 139, 138, 137, 52, M7 của các Bản trích đo hiện trạng khu đất đính kèm, là lối đi chung của gia đình các đương sự: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Thị Kim Q, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (do bà Nguyễn Thị Kim T⁹ và anh Võ Ngọc Q¹ kế thừa);

Các diện tích đất nêu tại các tiểu mục 2.4.1 đến 2.4.11 trên được xác định theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 04/3/2022 và được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang duyệt ngày 09/3/2022 (bút lục số 2127) và Bản trích đo hiện trạng khu đất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Nhà đất Hưng Phú ngày 31/5/2023 (bút lục số 1819) đính kèm theo bản án.

Đối với các phần diện tích do các đương sự đang quản lý sử dụng thuộc phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc mượn nước do Nhà nước quản lý nên không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này.

3. Công nhận Thửa đất số 1548, diện tích 2.419 m², Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức và Thửa đất số 221, diện tích 44 m², loại đất ODT, Tờ bản đồ số 22, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đều do bà Võ Thị Kim Q đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 02138 QSDĐ/aA cấp ngày 31/8/1992 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 614586, số vào sổ cấp GCN: CH02009 cấp ngày 26/9/2012 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị Kim Q;

4. Công nhận Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² và Thửa đất số 277, diện tích 350,3 m² cùng Tờ bản đồ số 33 phường Bình Khánh; Các thửa đất gồm: Thửa đất số 1542, diện tích 740 m², LNK; Thửa đất số 1544, diện tích 594 m², 2L; Thửa đất số 1545, diện tích 486 m², 2L; Thửa đất số 1546, diện tích 900 m², 2L; Thửa đất số 1547, diện tích 435 m², 2L; Thửa đất số 1568, diện tích 2.385 m², 2L; Thửa đất số 1554, diện tích 460 m², Ao; Thửa đất số 1549, diện tích 7.660 m², 2L; Thửa đất số 1541, diện tích 284 m², LNK cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do bà Võ Thị Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 357724, số vào sổ cấp

GCN: H.04693/mA cấp ngày 28/4/2008, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 357724, số vào sổ cấp GCN: H.04693/mA cấp ngày 28/4/2008, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 01950 QSĐĐ/aA cấp ngày 24/7/1991 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 386639, số vào sổ cấp GCN: 01949 QSĐĐ/aA cấp ngày 10/9/2002 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Võ Thị Đ (Trừ các phần diện tích đã nêu tại các tiểu mục 2.4.1 đến 2.4.11 phần quyết định của Bản án này).

5. Công nhận Thừa đất số 1555, diện tích 399 m² và Thừa đất số 1556, diện tích 595 m² cùng Tờ bản đồ số 01 phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00600aA cấp ngày 08/8/2006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN H00599aA cấp ngày 08/8/2006 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Lê T¹³ và chị Võ Thị H⁸;

6. Công nhận Thừa đất số 142, diện tích 3.100 m², Tờ bản đồ số 86, phường Bình Đức do bà Đặng Thị T¹² đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 742718, số vào sổ cấp GCN: CH06149 cấp ngày 24/02/2016, đã cập nhật sang tên cho ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵ ngày 05/11/2020 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Vương Tấn D¹, bà Phan Thị N⁵;

7. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đã được công nhận cho mình tại quyết định của bản án này, theo quy định của pháp luật.

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Chi phí tố tụng là 32.743.000 đồng (*Ba mươi ha triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng*) (Bà Võ Hồng S đã thanh toán đủ).

Buộc các đương sự: Võ Thị Đ, Võ Thị Kim Q, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Kim H², Võ Thị Xuân M, Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Hồng C¹ và Võ Ngọc T¹⁰ (*do bà Nguyễn Thị Kim T⁹, anh Võ Ngọc Q¹ kế thừa*), mỗi người phải nộp 3.274.300 đồng (*Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm đồng*) để hoàn trả cho bà Võ Hồng S. Bà Võ Hồng S tự chịu 3.274.300 đồng (*Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm đồng*).

10. Án phí:

10.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các đương sự: Võ Hồng S, Võ Thị Đ, Võ Văn N¹, Võ Văn G, Võ Ngọc T¹⁰ (P²) được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Võ Hồng S tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.793.553 đồng (*Tám triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0009433 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.959.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0009601 ngày 20/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Buộc các đương sự: Võ Kim H², Võ Thị Cẩm H⁵ (C), Võ Thị Xuân M, Võ Thị Hồng C¹ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.345.300 đồng (*Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm đồng*)/người.

- Buộc bà Võ Thị Kim Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 4.345.300 đồng + 1.800.000 đồng = 6.145.300 đồng (*Sáu triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm đồng*);

10.2. Các đương sự có kháng cáo đều không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim Q tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000369 ngày 11/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Xuân M⁵ (H¹³) tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000371 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Hồng C¹ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000375 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Hoàn trả cho bà Võ Kim H² tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000373 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Cẩm H⁵ (C) tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000374 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

- Hoàn trả cho ông Võ Ngọc T¹⁰ (*do bà Nguyễn Thị Kim T⁹, anh Võ Ngọc Q¹ kế thừa*) tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000372 ngày 14/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;

11. Quyết định của Bản án sơ thẩm về bác yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Đ đòi bà Võ Hồng S bồi thường tiền gây thiệt hại vụ Đông Xuân là 35.000.000 đồng; về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/12/2015 và hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2015/QĐ-BPBD ngày 21/12/2015 của Tòa án nhân dân

thành phố Long Xuyên, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Minh Tâm

Ngô Mạnh Cường

Phạm Văn Công